



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ & IN NÔNG NGHIỆP**

AGRICULTURE PRINTING AND PACKAGING JOINT STOCK COMPANY  
Nhà Máy: Lô 3 CN3-KCN Ngọc Hồi Thanh Trì - Hà Nội  
Tel: (84.4) 36840095

Trụ sở: 72 Đường Trường Chinh - Đống Đa  
Hà Nội - Việt Nam  
Tel: (844) 38695605 - Fax: (844) 38695605  
Website: [www.apprintco.com](http://www.apprintco.com)  
Email: [info@apprintco.com](mailto:info@apprintco.com)

*Hà nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014*

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2014**

## **1- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn :**

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 686/QĐ/BNN - TCCB ngày 22/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0103004779 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2004, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 23/12/2012 với mã số doanh nghiệp là 0101508664 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/8/2014 thay đổi vốn điều lệ thành 108.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh là: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại số 72 Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

### **Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- In bản đồ, sách báo, văn hoá phẩm, tem nhãn bao bì và các tài liệu phục vụ cho sự mọi ngành kinh tế.

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành in và các dịch vụ liên quan đến ngành in, văn hoá phẩm;

- Thiết kế tạo mẫu in, dịch vụ quảng cáo thương mại; kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê; Kinh doanh, xuất nhập khẩu sắt thép, kim loại màu, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và linh kiện kèm theo; hàng nông sản, nhựa và các sản phẩm từ nhựa; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

### **Thông tin về các công ty con:**

- *Tổng số công ty con: 02 công ty*

Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02 công ty  
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty  
- **Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

**1. Công ty TNHH Bao bì APP:**

Địa chỉ: KCN Phố Nối, Hưng Yên

Vốn điều lệ: 27.000.000.000đ

Tỷ lệ biểu quyết: 100%

Ngành nghề kinh doanh: In ấn

**2. Công ty TNHH công nghệ chống giả DAC:**

Địa chỉ: 72 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ: 5.400.000.000đ

Tỷ lệ biểu quyết: 100%

Ngành nghề kinh doanh: In ấn, thương mại

## **2- CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán các khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông công ty và được trình bày ở mục riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị nhận góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và được khấu hao theo 2

phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm. Khi bán Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do doanh nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Kỳ báo cáo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 về việc “Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh Nghiệp”.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng. .

*Hình thức kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các loại ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số

chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định :**

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3-16
Máy móc, thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải	3-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-4

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Các chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản tiền lãi vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả phát sinh trong năm là chi phí lãi vay chưa trả và chi phí phải trả khác.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, các nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản khác được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

#### ***Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có Khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế

## **2- Tiền**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	200,167,230	215,813,659
Tiền gửi ngân hàng	30,271,321,991	26,330,839,082
<b>Tổng</b>	<b>30,471,489,221</b>	<b>26,546,652,741</b>

## **4- Các khoản tương đương tiền:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2014</b>
Tiền gửi kỳ hạn	1.700.000.000	2.300.000.000

## 5- Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
	VNĐ	VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	47,609,716,737	39,954,498,711
Công cụ, dụng cụ	1,049,598,062	879,996,062
Chi phí SXKD dở dang	1,670,471,143	5,350,690,908
Thành phẩm	2,222,626,009	5,242,029,999
Hàng hoá	8,589,210,197	7,194,408,023
<b>Tổng</b>	<b>61,141,622,148</b>	<b>58,621,623,703</b>

## 6- Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2014	44,337,309,352	171,341,038,860	10,339,518,840	1,599,356,280	227,617,223,332
Tăng trong kỳ	8,120,657,532	105,642,705,107	3,963,309,364	1,109,808,182	118,836,480,185
Giảm trong kỳ		4,590,407,400	557,892,857		5,148,300,257
Tại ngày 31/12/2014	52,457,966,884	272,393,336,567	13,744,935,347	2,709,164,462	341,305,403,260
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2014	18,057,153,882	115,643,312,868	4,002,132,503	1,262,546,027	138,965,145,280
Trích khấu hao kỳ	5,644,071,587	38,514,515,973	2,464,937,791	357,231,897	46,980,757,248
Giảm trong kỳ		2,893,907,400	557,892,857		3,451,800,257
Tại ngày 31/12/2014	23,701,225,469	151,263,921,441	5,909,177,437	1,619,777,924	182,494,102,271
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2014	26,280,155,470	55,697,725,992	6,337,386,337	336,810,253	88,652,078,052
Số dư 31/12/2014	28,756,741,415	121,129,415,126	7,835,757,910	1,089,386,538	158,811,300,989

## 7- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2013	31/12/2014
	VNĐ	VNĐ
Dự án mở rộng cơ sở sản xuất tại KCN Ngọc hồi (tiền sử dụng đất)	1.688.400.000	1.688.400.000
CF XDCB cải tạo hệ thống nhà xưởng tại khu CN Ngọc hồi	7.163.816.000	
<b>Cộng</b>	<b>8.852.216.000</b>	<b>1.688.400.000</b>

## 8- Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	31/12/2014
	VNĐ	VNĐ
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		
Chi phí trả trước dài hạn khác	488.557.363	2.938.451.758
<b>Cộng</b>	<b>488.557.363</b>	<b>2.938.451.758</b>

## 9- Vay và nợ ngắn hạn:

	31/12/2013	31/12/2014
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (1)	22.844.892.121	14.239.720.506
Vay các đối tượng khác(2)	9.853.150.000	22.033.485.000
Vay dài hạn đến hạn trả		
<b>Cộng</b>	<b>32.698.042.121</b>	<b>36.273.205.506</b>

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng NN và PTNT CN Ba Đình, mục đích bổ xung vốn lưu động, lãi suất 7%.

(2) Vay của CBCNV trong công ty lãi suất 9%

**10- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
<b>Thuế</b>		
- Thuế giá trị gia tăng	929.464.889	1.138.965.421
- Thuế xuất nhập khẩu	196.709.005	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.965.535.056	7.573.581.842
- Thuế Thu nhập cá nhân	296.105.323	66.268.947
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	815.876.560	
<b>Cộng</b>	<b>10.203.690.833</b>	<b>8.778.816.210</b>

**11- Chi phí phải trả:**

<b>Chỉ tiêu</b>	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Lãi vay phải trả		
Chi phí khác	356.798.549	0
<b>Cộng</b>	<b>356.798.549</b>	<b>0</b>

**12- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:**

<b>Chỉ tiêu</b>	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	1.748.777.976	1.170.715.419
Bảo hiểm y tế, BHXH, BHTN	307.800.371	48.987.056
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.135.160.305	905.498.745
Phải thu khác (dư có)		28.293.195
<b>Cộng</b>	<b>4.191.738.652</b>	<b>2.164.455.648</b>

**13- Vay dài hạn và nợ dài hạn:**

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Vay trung hạn ngân hàng	0.	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>0.</b>	<b>5.000.000.000</b>

*Vay dài hạn ngân hàng NN và PTNT CN Hà Nội, mục đích mua máy Flexo Gallus, lãi suất 8.5%.*

**14- Vốn chủ sở hữu**

*a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu*

<b>Nội dung</b>	<b>Vốn góp</b>	<b>Thặng dư vốn</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>
A	1	2	3	4	5



<b>Dư 01/01/2014</b>	<b>81.000.000.000</b>	<b>15.041.209.638</b>	<b>29.991.021.331</b>	<b>4.845.458.520</b>	<b>40.747.237.863</b>
<b>Tăng vốn trong kỳ</b>	<b>27.000.000.000</b>				
- Lãi trong kỳ					<b>47.904.550.890</b>
- Tăng khác: trích quỹ			14.523.728.088	1.977.520.423	16.501.248.511
<b>Giảm vốn trong kỳ</b>		<b>180.280.000</b>			<b>39.159.365.022</b>
<b>Dư 31/12/2014</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>14.860.929.638</b>	<b>44.514.749.419</b>	<b>6.822.978.943</b>	<b>49.492.423.731</b>

*Ghi chú: giảm vốn bao gồm*

- Trích lập các quỹ : 21.095.005.834 đ

- Chia cổ tức : 16.200.000.000 đ

- Cty con chuyển lợi nhuận về cty mẹ: 1.620.000.000 đ

- Giảm khác : 244.359.188 đ

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013		31/12/2014	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	15.187.500.000	18.75		
Công ty TNHH chứng khoán NHTMCP ngoại thương Việt Nam			20.000.000.000	18.52
Cổ đông khác	65.812.500.000	81.25	88.000.000.000	81.48
<b>Cộng</b>	<b>81.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>100</b>

Ngày 15/9/2014 phân vốn của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước được chuyển quyền sở hữu. Đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH chứng khoán NHTMCP ngoại thương Việt Nam là cổ đông lớn giữ tỷ lệ 18.52% vốn điều lệ.

## 16- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4-2013	Quý 4-2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	175.414.452.009	178.859.644.853
<b>Cộng</b>	<b>175.414.452.009</b>	<b>178.859.644.853</b>

## 17- Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Quý 4-2013	Quý 4-2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại (Thành phẩm)	1.066.572.105	153.913.512

## 18- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4-2013	Quý 4-2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
+ Doanh thu thuần	174.347.879.904	178.705.731.341
<b>Cộng</b>	<b>174.347.879.904</b>	<b>178.705.731.341</b>

## 19- Giá vốn hàng bán

	Quý 4-2013	Quý 4-2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm, HH	143.131.896.104	148.126.363.380
<b>Cộng</b>	<b>143.131.896.104</b>	<b>148.126.363.380</b>

## 20- Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Quý 4-2013	Quý 4-2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu hoạt động tài chính	141.157.179	79.612.407
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>141.157.179</b>	<b>79.612.407</b>

## 21- Chi phí tài chính

	Quý 4-2013	Quý 4-2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay		1.125.527.566
<b>Tổng</b>		<b>1.125.527.566</b>

## 22- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 4-2013	Quý 4-2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	5.009.586.660	3.901.023.128
<b>Cộng</b>	<b>5.009.586.660</b>	<b>3.901.023.128</b>

## 23- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 4-2013	Quý 4-2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	8.100.000	10.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.864,9</b>	<b>1.286,2</b>

Lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thuý

Tạ Thị Tuyết Nga

NGUYỄN THÀNH NAM